

# TRAO ĐỔI THÊM VỀ VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI SÁNG KIẾN

TS Nguyễn Văn Anh

Sở KH&CN Bà Rịa - Vũng Tàu

Tạp chí Khoa học và Công nghệ (KH&CN) Việt Nam số 12.2015 đã đăng tải bài viết “Văn bản quản lý nhà nước về sáng kiến: một số vấn đề cần trao đổi”, trong đó phân tích rõ các điểm mới, những điểm chưa phù hợp trong các quy định về sáng kiến và đề xuất hướng sửa đổi. Bài viết dưới đây tiếp tục trao đổi về hướng sửa đổi các quy định trong đánh giá, công nhận sáng kiến.

## Đặt vấn đề

Như bài viết trên số 12.2015 đã đề cập, hiện nay có hai hệ thống văn bản quản lý nhà nước về sáng kiến: (1) Nghị định 13 [1] và Thông tư 18 [2] - tạm gọi là **Hệ thống 1**, quy định việc đánh giá, công nhận sáng kiến tại cơ sở. Cơ sở được hiểu là: “Cơ quan, tổ chức được thành lập theo pháp luật, có thể nhân danh chính mình tham gia quan hệ pháp luật dân sự một cách độc lập” (Điều 2.4, Điều lệ Sáng kiến, Nghị định 13). Sáng kiến sau khi được công nhận, tác giả và những người tham gia tổ chức triển khai áp dụng lần đầu sẽ được hưởng quyền lợi vật chất, do chủ đầu tư tạo ra sáng kiến chi trả khi đưa sáng kiến vào khai thác sử dụng. Ngoài ra, tác giả của sáng kiến cũng sẽ được hưởng những quyền lợi khác có giá trị về tinh thần liên quan đến thi đua, khen thưởng. (2) Hệ thống văn bản thuộc Luật Thi đua khen thưởng - tạm quy ước là **Hệ thống 2**, bao gồm các quy định về đánh giá, công nhận sáng kiến phục vụ thi đua khen thưởng các cấp, cụ thể là: chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, tương ứng với điều kiện người được công nhận danh hiệu thi

đua phải có sáng kiến cấp cơ sở; chiến sĩ thi đua cấp tỉnh/bộ/ngành trực thuộc trung ương - sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp tỉnh/bộ/ngành trực thuộc trung ương; chiến sĩ thi đua cấp toàn quốc - sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng cấp toàn quốc. Trong nội dung bài viết đã đăng, tác giả phân tích và chỉ ra rằng: với các quy định hiện hành khó có thể tích hợp để đưa ra các quy định chung về sáng kiến giữa hai hệ thống văn bản đã đề cập ở trên. Từ đó, khái niệm về sáng kiến được tác giả đề xuất: “**Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp, giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật (gọi chung là giải pháp), được tổ chức có thẩm quyền công nhận nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện có tính mới, đã áp dụng và mang lại hiệu quả cho xã hội**”. Tổ chức có thẩm quyền công nhận có thể là cơ sở (theo quy định của Nghị định 13 - Hệ thống 1) hay tổ chức có thẩm quyền đánh giá, công nhận theo quy định của Luật Thi đua khen thưởng (Hệ thống 2). Ngoài việc chỉnh sửa khái niệm nêu trên, để tạo hành lang pháp lý đầy đủ, thống nhất giữa hai hệ

thống văn bản quy định về sáng kiến, cần thiết phải tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung các quy định khác liên quan. Cụ thể là về điều kiện công nhận sáng kiến được quy định tại Nghị định 13 và Thông tư 18 là các văn bản quy định trực tiếp.

## Về tiêu chí, đánh giá, công nhận sáng kiến

Tiêu chí đánh giá, công nhận sáng kiến cần phải thỏa mãn 3 điều kiện: (1) Tính mới; (2) Đã áp dụng và (3) Mang lại hiệu quả. Cụ thể:

### Tính mới của giải pháp

Để đảm bảo tính mới cho mọi đối tượng trên các lĩnh vực, cần thiết phải loại bỏ những quy định bất cập được tác giả phân tích và đề cập tại bài báo trước đây. Cụ thể là, cần thiết bỏ đi các điều khoản quy định về tính mới không phù hợp với các giải pháp thuộc lĩnh vực quản lý (được quy định tại Điều 4.1.b, Điều 4.1.d, Nghị định 13): “b) chưa bị bộc lộ công khai trong các văn bản, sách báo, tài liệu kỹ thuật đến mức căn cứ vào đó có thể thực hiện ngay được”; “d) chưa được quy định thành tiêu

chuẩn, quy trình, quy phạm bắt buộc phải thực hiện” và bỏ quy định liên quan đến đối tượng loại trừ, công nhận sáng kiến được quy định tại Điều 3.2.b của Nghị định: “Giải pháp là đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm xét công nhận sáng kiến” vì quy định này không phù hợp với sáng kiến thuộc giải pháp kỹ thuật là chương trình máy tính. Tính mới của giải pháp công nhận nên quy định là: “Một sáng kiến được coi là có tính mới trong phạm vi công nhận nếu tính đến trước ngày nộp đơn yêu cầu công nhận, hoặc ngày bắt đầu áp dụng thử hoặc áp dụng lần đầu (tính theo ngày nào sớm hơn), giải pháp không trùng với nội dung của sáng kiến đã được đánh giá trong phạm vi công nhận”. Như vậy, với quy định về tính mới trên, ngoài việc có thể áp dụng công nhận tính mới phù hợp cho các đối tượng thuộc quy mô khác nhau (cơ sở, cấp cơ sở; cấp tỉnh/bộ ngành; cấp toàn quốc) còn giúp khắc phục được hạn chế của các văn bản quy phạm pháp luật trong Hệ thống 1.

Với khái niệm đề xuất nêu trên, có ý kiến cho rằng: “Khái niệm đề xuất trên đã hạn chế việc phổ biến nhân rộng của sáng kiến, vì giải pháp được công nhận sáng kiến rất có thể đang thuộc đối tượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Đây là ưu thế của Nghị định 13 và Thông tư 18”. Theo quan điểm của cá nhân tác giả bài viết: các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (ví dụ như sáng chế, giải pháp hữu ích) và sáng kiến là hai đối tượng rất khác nhau. Mục đích của công nhận bảo hộ độc quyền sáng chế là để bảo

hộ độc quyền giải pháp, tính mới phải ở tầm thế giới. Còn mục đích công nhận sáng kiến để triển khai nhân rộng, tính mới chỉ yêu cầu ở quy mô, phạm vi công nhận. Nhưng không có nghĩa, cứ triển khai nhân rộng là phải hạn chế việc bảo hộ độc quyền. Sự hạn chế độc quyền trong công nhận sáng kiến, vô tình đã “giết chết” sự khuyến khích sáng tạo, đổi mới trong lĩnh vực quản lý và chương trình máy tính (lĩnh vực kỹ thuật). Hơn thế nữa, việc quy định về tính mới của Nghị định 13 và Thông tư 18 đưa lại một nghịch lý là: tác giả của những giải pháp có tính mới quy mô “ao làng” lại được tôn vinh hơn tác giả của những giải pháp có tính mới mang tầm thế giới, mang lại lợi nhuận cao hơn cho chính doanh nghiệp công nhận (do được bảo hộ độc quyền). Mặt khác, với quy định về tính mới của Nghị định 13, giải pháp thỏa mãn tính mới phải gắn với việc loại trừ các giải pháp đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (Điều 3.2.b, Nghị định 13), với dụng ý hướng tới việc phổ biến, áp dụng giải pháp theo cơ chế phi thị trường. Tuy nhiên, Thông tư 18, Nghị định 13 lại đưa ra quy định: tác giả sáng kiến có quyền yêu cầu bảo mật các thông tin thuộc nội dung giải pháp (Điều 5.3.d, Nghị định 13; Điều 5.1.d, Thông tư 18). Đồng thời, Nghị định 13 cho phép, sau khi giải pháp được công nhận sáng kiến, tác giả vẫn có quyền đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ (Điều 13, Nghị định 13), nếu thỏa mãn điều kiện quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ. Như vậy, với quy định hiện hành của Nghị định 13 và Thông tư 18, mục tiêu phổ biến, nhân rộng giải pháp sáng kiến dựa trên cơ

sở hạn chế quyền đăng ký xác lập quyền sở hữu trí tuệ đối với giải pháp sáng kiến trên thực tế không thể đạt được, trong khi đó lại loại trừ việc công nhận sáng kiến cho tác giả của các chương trình máy tính như đã đề cập.

### Đã áp dụng

Nghị định 13 và Thông tư 18 không hướng dẫn chi tiết về tiêu chí “áp dụng”, việc áp dụng được ngầm hiểu là trong sản xuất, kinh doanh có sự xuất hiện của giải pháp, hoặc giải pháp đã được tiến hành áp dụng thử. Để quy định rõ hơn việc áp dụng và có căn cứ chứng minh việc áp dụng cần thiết bổ sung quy định về việc áp dụng như sau: “Một sáng kiến được coi là đã được áp dụng thể hiện một trong các mặt sau: (a) Đã được thử nghiệm, sản xuất thử hoặc được cơ quan có thẩm quyền ban hành đưa vào triển khai áp dụng; (b) Đã được áp dụng có hiệu quả; (c) Được công bố trong các tài liệu hội thảo, tạp chí chuyên ngành, tài liệu giảng dạy, học tập hoặc dưới các hình thức khác để ứng dụng giải pháp”.

Như vậy, quy định trên đã bổ sung, cụ thể hóa cho các quy định của Nghị định 13 và Thông tư 18.

### Hiệu quả của giải pháp

Một trong những tiêu chí công nhận sáng kiến của Nghị định 13 là giải pháp “có khả năng mang lại lợi ích thiết thực” (Điều 3.1.b). Khả năng mang lại lợi ích thiết thực được giải thích là: “Một giải pháp được coi là có khả năng mang lại lợi ích thiết thực nếu việc áp dụng giải pháp đó có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế (ví dụ, nâng cao năng suất lao động,

giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, nâng cao hiệu quả kỹ thuật), hoặc lợi ích xã hội (ví dụ nâng cao điều kiện an toàn lao động, cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường, sức khỏe con người)" (Điều 4.2). Theo chúng tôi, tiêu chí này nên chỉnh sửa lại là "Hiệu quả của giải pháp". Có nghĩa là phải đánh giá được hiệu quả trước và sau khi áp dụng giải pháp trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, môi trường - 3 trụ cột đảm bảo sự phát triển bền vững. Tiêu chí này cần được chỉnh sửa, bổ sung như sau: giải pháp được đánh giá công nhận phải đạt hiệu quả cao hơn các giải pháp đã biết, và không gây tác động xấu về kinh tế, xã hội và môi trường, thể hiện trên các mặt sau: (a) Hiệu quả kinh tế (tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và các lợi ích kinh tế khác); (b) Lợi ích xã hội (nâng cao điều kiện an toàn lao động, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, giải quyết công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động, cung cấp thông tin KH&CN, góp phần đào tạo nhân lực KH&CN và các lợi ích xã hội khác); (c) Hiệu quả về môi trường (cải thiện điều kiện sống, làm việc, bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe con người và các hiệu quả về môi trường khác).

## Công nhận sáng kiến trong một số trường hợp đặc thù

Khi đánh giá, công nhận sáng kiến, cần thiết xem xét công nhận cho một số trường hợp đặc thù, ví dụ: "Đối với các giải pháp đoạt giải thưởng (từ giải khuyến khích đến giải nhất) trong các hội thi

sáng tạo kỹ thuật, hội thi sáng chế trong nước, quốc tế được công nhận sáng kiến ở mức cao nhất tương đương giải thưởng mà giải pháp đoạt giải".

Việc đưa ra quy định này dựa trên sự phù hợp với tiêu chí đánh giá các giải pháp tham gia các hội thi nêu trên. Ví dụ: tiêu chí đánh giá, công nhận giải pháp tham dự hội thi "Sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 13 (2014-2015)" có tiêu chí đánh giá được coi như tương đương với tiêu chí đánh giá công nhận sáng kiến có phạm vi ảnh hưởng toàn quốc: "1) Tính mới, tính sáng tạo so với các giải pháp đã có ở Việt Nam: giải pháp dự thi không trùng với giải pháp đã được công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào có ở Việt Nam hoặc đã được áp dụng ở Việt Nam trước ngày nộp hồ sơ. 2) Khả năng áp dụng rộng rãi trong điều kiện của Việt Nam: giải pháp dự thi đã được thử nghiệm, sản xuất thử và được chứng minh khả năng áp dụng hoặc đã được áp dụng có hiệu quả. 3) Hiệu quả kinh tế - kỹ thuật - xã hội: giải pháp mang lại lợi ích kinh tế - kỹ thuật - xã hội cao hơn so với giải pháp tương tự đã biết ở Việt Nam, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và xã hội" (Điều 5, Thể lệ Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 13) [3].

## Đề xuất, khuyến nghị

Tóm lại, thời gian qua, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quản lý về sáng kiến. Từ đó, việc đánh giá, công nhận sáng kiến có nhiều cải tiến theo hướng tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn có nhiều điểm chưa phù hợp, cần thiết phải chỉnh sửa, bổ sung. Đặc

biệt, nhiều nội dung về đánh giá công nhận sáng kiến thuộc lĩnh vực thi đua, khen thưởng chưa có văn bản hướng dẫn thi hành. Trong khi đó, nếu áp dụng các quy định theo các văn bản đánh giá, công nhận sáng kiến theo Nghị định 13, Thông tư 18 sẽ không phù hợp. Nếu áp dụng "dập khuôn, máy móc" sẽ ảnh hưởng đến lợi ích vật chất, tinh thần của các tác giả sáng kiến, không tạo động lực cho các tác giả sáng kiến phát huy tiềm năng của mình. Từ thực tiễn và kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về sáng kiến tại địa phương, tác giả nêu lên một số ý kiến trao đổi, nhằm làm tài liệu tham khảo cho quá trình xây dựng các văn bản quản lý nhà nước về sáng kiến. Đồng thời, thông qua những phân tích trao đổi này, đề nghị cơ quan có thẩm quyền sớm xây dựng văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện phù hợp, nhằm mục tiêu thúc đẩy hoạt động sáng kiến, đưa sáng kiến trở thành công cụ đắc lực phục vụ công cuộc đổi mới của đất nước trong giai đoạn hiện nay ✍

## Tài liệu tham khảo

1. Chính phủ (2012), Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 2.3.2012 ban hành Điều lệ sáng kiến.
2. Bộ KH&CN (2013), Thông tư số 18/2013/TT-BKHCN ngày 1.8.2013 hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 2.3.2012 của Chính phủ.
3. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (2013), Quyết định số 985/QĐ-LHHVN ngày 18.12.2013 ban hành Thể lệ Hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ 13 (2014-2015).